

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 17

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Phùng Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên
Ông Vũ Văn Đức	Thành viên
Ông Trần Đức Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2011)
Bà Đỗ Thị Ngọc Thanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2011)

##### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Sơn	Phó Giám đốc
Ông Vũ Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ổn	Phó Giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Nguyễn Ngọc Anh**

**Giám đốc**

Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Số: /2012/Deloitte-AUDHCM-RE

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ Phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ Phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 17. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

---

**Trần Đình Nghi Hạ**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
Ngày 30 tháng 8 năm 2011  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**Huỳnh Vũ Đại Trọng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU B 01-DN/HN**

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MẪU B 01-DN/HN	
			Đơn vị tính: Đồng	Đơn vị tính: Đồng
			30/6/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>246.383.572.124</b>	<b>232.260.272.300</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5	<b>116.818.778.561</b>	<b>75.118.405.772</b>
1. Tiền	111		13.818.778.561	20.118.405.772
2. Các khoản tương đương tiền	112		103.000.000.000	55.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>45.000.000.000</b>	<b>85.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	45.000.000.000	85.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>59.369.494.072</b>	<b>50.541.331.601</b>
1. Phải thu khách hàng	131		53.791.870.179	47.447.452.938
2. Trả trước cho người bán	132		209.142.555	1.238.144.880
3. Các khoản phải thu khác	135	7	5.368.481.338	1.855.733.783
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>20.993.857.278</b>	<b>19.552.408.721</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	20.993.857.278	19.552.408.721
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.201.442.213</b>	<b>2.048.126.206</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.845.940.050	1.754.374.206
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		355.502.163	293.752.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>285.876.119.361</b>	<b>306.879.698.144</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>262.152.212.957</b>	<b>282.293.695.411</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	261.975.718.844	282.129.805.088
- Nguyên giá	222		362.059.585.565	361.852.761.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.083.866.721)	(79.722.955.934)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	176.494.113	93.890.323
- Nguyên giá	228		262.420.550	136.080.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.926.437)	(42.189.677)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	70.000.000
<b>II. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		<b>3.194.541.003</b>	<b>3.549.490.003</b>
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>20.529.365.401</b>	<b>21.036.512.730</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	11	19.485.346.996	20.133.016.105
2. Tài sản dài hạn khác	278		1.044.018.405	903.496.625
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>532.259.691.485</b>	<b>539.139.970.444</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU B 01-DN/HN**  
 Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011		31/12/2010	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>169.491.260.452</b>		<b>167.775.615.777</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>79.853.793.385</b>		<b>72.349.982.438</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	25.632.600.000		31.543.314.286	
2. Phải trả người bán	312		10.737.142.690		24.800.711.326	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	7.898.217.231		7.714.890.814	
4. Phải trả người lao động	315		8.849.568.727		4.838.332.675	
5. Chi phí phải trả	316		1.966.271.750		221.410.000	
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	24.469.992.987		2.250.421.914	
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		300.000.000		980.901.423	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>89.637.467.067</b>		<b>95.425.633.339</b>	
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	89.525.600.000		95.309.885.714	
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		111.867.067		115.747.625	
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>328.474.889.395</b>		<b>341.102.512.719</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	15	<b>328.474.889.395</b>		<b>341.102.512.719</b>	
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000		300.000.000.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.173.922.567		8.809.491.423	
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.586.961.285		4.404.745.712	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.714.005.543		27.888.275.584	
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	16	<b>34.293.541.638</b>		<b>30.261.841.948</b>	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>532.259.691.485</b>		<b>539.139.970.444</b>	

Nguyễn Ngọc Anh  
 Giám đốc  
 Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thế Dân  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU B 02-DN/HN**  
Đơn vị tính: Đồng

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		262.110.269.527	173.147.553.192
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		262.110.269.527	173.147.553.192
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		(219.240.118.265)	(149.940.471.575)
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.870.151.262	23.207.081.617
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	9.864.733.611	7.498.904.669
6. Chi phí tài chính	22	18	(14.441.840.452)	(1.999.682.741)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(6.585.060.066)</i>	<i>(1.564.808.737)</i>
7. Chi phí bán hàng	24		-	(594.709.882)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(13.188.855.501)	(6.927.081.978)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.104.188.920	21.184.511.685
10. Thu nhập khác	31		8.404.405.935	519.671.603
11. Chi phí khác	32		(860.327.188)	(469.024.852)
12. Lợi nhuận khác	40	19	7.544.078.747	50.646.751
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.648.267.667	21.235.158.436
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	(8.524.071.607)	(5.308.789.609)
15. Lợi nhuận sau thuế	60		24.124.196.060	15.926.368.827
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số			4.031.699.690	-
- Cổ đông của Công ty			20.092.496.370	15.926.368.827
<b>16. Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>21</b>	<b>670</b>	<b>865</b>

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Ngọc Anh**  
Giám đốc  
Ngày 30 tháng 8 năm 2011

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thế Dân**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

**MẪU B 03-DN/HN**

Đơn vị tính: Đồng

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>32.648.267.667</b>	<b>21.235.158.436</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	20.404.647.547	11.639.042.601
Các khoản dự phòng	03	-	121.793.600
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	7.412.119.058	(2.780.000.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.282.207.617)	(4.032.802.744)
Chi phí lãi vay	06	6.585.060.066	1.564.808.737
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>57.767.886.721</b>	<b>27.748.000.630</b>
Tăng các khoản phải thu	09	(6.135.147.912)	(33.056.104.088)
Tăng hàng tồn kho	10	(1.441.448.557)	(2.683.397.306)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(10.790.423.672)	31.581.008.656
Tăng chi phí trả trước	12	(1.088.947.735)	(2.747.581.245)
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.585.060.066)	(1.515.714.424)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.575.687.337)	(5.681.863.813)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.869.580.975)	(1.870.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>22.281.590.467</b>	<b>11.773.948.410</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(263.165.093)	(133.359.481.166)
2. Tiền thu từ đầu tư ngắn hạn	24	40.000.000.000	-
3. Thu lãi tiền gửi	27	7.855.480.973	2.838.070.507
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>47.592.315.880</b>	<b>(130.521.410.659)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	33.912.000.050	95.497.055.500
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(52.958.657.193)	-
3. Cổ tức đã trả	36	(9.066.414.500)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(28.113.071.643)</b>	<b>95.497.055.500</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>41.760.834.704</b>	<b>(23.250.406.749)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>75.118.405.772</b>	<b>111.974.112.465</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(60.461.915)	(602.097.046)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>116.818.778.561</b>	<b>88.121.608.670</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Trong kỳ, Công ty đã thanh toán 9.066.414.500 đồng trong tổng số 33.000.000.000 đồng cổ tức. Theo đó, một phần cổ tức với số tiền là 23.933.585.500 đồng (năm 2010: không đồng) chưa thanh toán cho các cổ đông. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Nguyễn Ngọc Anh  
 Giám đốc  
 Ngày 30 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thế Dân  
 Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Công ty mẹ:

Công ty mẹ là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty là mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn gas tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 139 người (2010:137 người).

Công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt là công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0308515724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 9 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty là vận tải hàng hóa ven biển, vận tải hàng hóa viễn dương, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương, hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa; dịch vụ đại lý tàu biển; bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ dầu mỏ hóa lỏng LPG tại thành phố Hồ Chí Minh); bán buôn hóa chất và bán buôn chuyên doanh khác.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 56 người (năm 2010: 67 người).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư này yêu cầu doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con do Công ty mẹ kiểm soát cho đến kết thúc kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là năm năm.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí liên quan, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có). Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm	3 năm
Phương tiện vận tải	5 - 12 năm	5 - 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm	3 - 5 năm

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng và sửa chữa tàu và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến năm năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	280.088.951	437.799.856
Tiền gửi ngân hàng	13.538.689.610	19.680.605.916
Các khoản tương đương tiền	103.000.000.000	55.000.000.000
	<b><u>116.818.778.561</u></b>	<b><u>75.118.405.772</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn từ ba tháng trở xuống với lãi suất hàng năm được hưởng là 14% (2010: từ 11% đến 12%)

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn một năm với lãi suất hàng năm được hưởng là 13% trong sáu tháng đầu tiên. Lãi suất sẽ được thỏa thuận lại hàng tháng trong sáu tháng tiếp theo.

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền chi phúc lợi cho nhân viên	1.277.530.683	-
Phải thu về bồi thường sự cố tàu	900.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.879.859.544	1.453.132.900
Phải thu khác	311.091.111	402.600.883
	<b><u>5.368.481.338</u></b>	<b><u>1.855.733.783</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**8. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	20.992.790.611	19.497.213.036
Công cụ dụng cụ	1.066.667	55.195.685
	<b><u>20.993.857.278</u></b>	<b><u>19.552.408.721</u></b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 1/1/2011	995.590.874	629.442.821	360.227.727.327	361.852.761.022
Tăng trong kỳ	120.824.544	45.499.999	40.500.000	206.824.543
Tại ngày 30/6/2011	<u>1.116.415.418</u>	<u>674.942.820</u>	<u>360.268.227.327</u>	<u>362.059.585.565</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 1/1/2011	279.055.062	319.539.310	79.124.361.562	79.722.955.934
Khấu hao trong kỳ	166.609.957	92.543.037	20.101.757.793	20.360.910.787
Tại ngày 30/6/2011	<u>445.665.019</u>	<u>412.082.347</u>	<u>99.226.119.355</u>	<u>100.083.866.721</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/6/2011	<u><b>670.750.399</b></u>	<u><b>262.860.473</b></u>	<u><b>261.042.107.972</b></u>	<u><b>261.975.718.844</b></u>
Tại ngày 31/12/2010	<u><b>716.535.812</b></u>	<u><b>309.903.511</b></u>	<u><b>281.103.365.765</b></u>	<u><b>282.129.805.088</b></u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14, tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã thế chấp tàu Sài Gòn Gas và tàu Apollo Pacific với nguyên giá là 202.430.614.271 đồng làm đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (31/12/2010: 227.856.081.604 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 240.899.314 đồng (năm 2010: không đồng).

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản của tàu Apollo Pacific và tàu Aquamarine từ 5 năm lên 7 năm như trình bày tại Thuyết minh số 4. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong kỳ sẽ tăng với số tiền là 2.043.958.007 đồng.

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VNĐ	Giấy chứng nhận ISO VNĐ	Tổng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	136.080.000	-	136.080.000
Tăng trong kỳ	-	126.340.550	126.340.550
Tại ngày 30/6/2011	<u>136.080.000</u>	<u>126.340.550</u>	<u>262.420.550</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	42.189.677	-	42.189.677
Khấu hao trong kỳ	22.680.000	21.056.760	43.736.760
Tại ngày 30/6/2011	<u>64.869.677</u>	<u>21.056.760</u>	<u>85.926.437</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2011	<u><b>71.210.323</b></u>	<u><b>105.283.790</b></u>	<u><b>176.494.113</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tại ngày 31/12/2010		<u>93.890.323</u>	-	<u>93.890.323</u>
<b>11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN</b>				
	30/6/2011			31/12/2010
	VNĐ			VNĐ
Chi phí di dời, sửa chữa văn phòng	899.687.792			100.000.000
Chi phí sửa chữa và lên đà tàu định kỳ	18.474.065.687			19.763.924.548
Chi phí khác	111.593.517			269.091.557
	<u>19.485.346.996</u>			<u>20.133.016.105</u>
<b>12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC</b>				
	30/6/2011			31/12/2010
	VNĐ			VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	1.350.247.561			938.834.003
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.378.613.593			5.430.229.323
Thuế thu nhập cá nhân	107.434.656			1.298.648.864
Các khoản khác	61.921.421			47.178.624
	<u>7.898.217.231</u>			<u>7.714.890.814</u>
<b>13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC</b>				
	30/6/2011			31/12/2010
	VNĐ			VNĐ
Kinh phí công đoàn	304.624.842			407.741.914
Bảo hiểm xã hội	178.940.918			40.005.000
Bảo hiểm y tế	36.591.412			10.605.000
Bảo hiểm thất nghiệp	9.180.316			7.070.000
Phải trả, phải nộp khác	7.069.999			1.785.000.000
Cổ tức phải trả	23.933.585.500			-
	<u>24.469.992.987</u>			<u>2.250.421.914</u>
<b>14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN</b>				

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay sau:

Vay dài hạn thể hiện khoản vay dài hạn đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 5.384.512.000 đô la Mỹ. Khoản vay này có thời hạn 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm là 5,5% trong sáu tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và bằng tổng bình quân lãi suất tiết kiệm bằng đô la Mỹ của cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bốn ngân hàng tham khảo cộng 3%. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển của Công ty.

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam có tổng hạn mức là 48.162.600.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm bằng lãi suất huy động tiết kiệm đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 4,5%. Khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho dự án đầu tư mua tàu vận tải LPG, được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 12 năm 2013.

Khoản vay dài hạn từ ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Sài Gòn với tổng hạn mức là 17.500.000.000 đồng, chịu lãi suất tiền vay hàng năm là 10,5% trong ba tháng đầu và bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ cộng 2,6% cho các tháng tiếp theo. Khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho dự án đầu tư mua tàu vận tải LPG, được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và sẽ đáo hạn vào ngày 14 tháng 9 năm 2011. Tuy nhiên, khoản vay này đã được

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

thanh toán trước hạn vào ngày 3 tháng 3 năm 2011 và tài sản hình thành từ vốn vay theo đó cũng đã được giải chấp.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	25.632.600.000	31.002.400.000
Trong năm thứ hai	25.632.600.000	24.452.400.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	49.460.400.000	51.519.800.000
Sau năm năm	14.432.600.000	19.878.600.000
	<u>115.158.200.000</u>	<u>126.853.200.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(25.632.600.000)</u>	<u>(31.543.314.286)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u>89.525.600.000</u></b>	<b><u>95.309.885.714</u></b>

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	30/6/2011		31/12/2010	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VNĐ</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VNĐ</u>
Được phép phát hành	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>30.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>30.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc kỳ như sau:

	30/6/2011		31/12/2010	
	<u>VNĐ</u>	%	<u>VNĐ</u>	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	203.209.000.000	67,7	218.324.000.000	72,8
Cty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Khí	-	-	51.600.000.000	17,2
Cổ đông khác	96.791.000.000	32,3	30.076.000.000	10,0
	<b><u>300.000.000.000</u></b>		<b><u>300.000.000.000</u></b>	

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ <u>VNĐ</u>	Chênh lệch tỷ giá <u>VNĐ</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VNĐ</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VNĐ</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
Số dư tại ngày 1/1/2010	184.051.000.000	602.097.046	5.173.922.567	2.586.961.285	26.092.419.256	218.506.400.154
Vốn đã góp	115.949.000.000	-	-	-	-	115.949.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	36.977.197.736	36.977.197.736
Chênh lệch tỷ giá	-	(602.097.046)	-	-	-	(602.097.046)
Phân phối các quỹ	-	-	3.635.568.856	1.817.784.427	(5.453.353.283)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.935.568.856)	(3.935.568.856)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(25.792.419.269)	(25.792.419.269)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b><u>300.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>8.809.491.423</u></b>	<b><u>4.404.745.712</u></b>	<b><u>27.888.275.584</u></b>	<b><u>341.102.512.719</u></b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	20.092.496.370	20.092.496.370
Hoàn nhập quỹ	-	-	(3.635.568.856)	(1.817.784.427)	6.033.233.589	579.880.306
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(33.000.000.000)	(33.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2011</b>	<b><u>300.000.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>5.173.922.567</u></b>	<b><u>2.586.961.285</u></b>	<b><u>20.714.005.543</u></b>	<b><u>328.474.889.395</u></b>

Theo Nghị quyết ngày 25 tháng 4 năm 2011. Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2010 với số tiền là 33.000.000.000 đồng (2009: 25.792.419.269 đồng). Cũng theo nghị quyết này. Công ty không trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và chỉ trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2010 với số tiền là 3.055.688.563 đồng. Vì vậy, trong 6 tháng đầu năm 2011, Công ty đã hoàn nhập số tiền từ việc trích lập quỹ trong năm 2010.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**16. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số cụ thể như sau:

	<u>VND</u>
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	
Vốn góp của công ty con	50.000.000.000
Trong đó:	
Vốn phân bổ cho Công ty	25.500.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	<u>24.500.000.000</u>
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b><u>49%</u></b>

Lợi ích của cổ đông thiểu số đối với giá trị tài sản thuần:

	<u>VND</u>
<b>Tại ngày 30/6/2011</b>	
Vốn của cổ đông thiểu số	24.500.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>9.793.541.638</u>
	<b><u>34.293.541.638</u></b>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ:

	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong kỳ	8.227.958.551
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	<u>4.031.699.690</u>

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	9.282.207.617	4.032.802.744
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.780.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	<u>582.525.994</u>	<u>686.101.925</u>
	<b><u>9.864.733.611</u></b>	<b><u>7.498.904.669</u></b>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	6.585.060.066	1.564.808.737
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	442.819.328	400.314.754
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.412.119.058	-
Chi phí tài chính khác	<u>1.842.000</u>	<u>34.559.250</u>
	<b><u>14.441.840.452</u></b>	<b><u>1.999.682.741</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**19. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Thu tiền phạt	964.683.125	299.669.149
Hàng tồn kho thừa do kiểm kê	4.702.276.832	-
Thu khác	2.737.445.978	220.002.454
	<b>8.404.405.935</b>	<b>519.671.603</b>
Chi phí khác	(860.327.188)	(469.024.852)
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>7.544.078.747</b>	<b>50.646.751</b>

**20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	32.648.267.667	21.235.158.436
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	402.949.000	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh do hợp nhất	37.321.427	-
Thu nhập chịu thuế	33.088.538.094	21.235.158.436
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>8.272.134.524</b>	<b>5.308.789.609</b>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	251.937.083	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>8.524.071.607</b>	<b>5.308.789.609</b>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

**21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Lợi nhuận trong kỳ	20.092.496.370	15.926.368.827
Số cổ phần bình quân gia quyền	30.000.000	18.405.100
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>670</b>	<b>865</b>

**22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	2.100.701.202	467.155.665

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tại ngày kết thúc kỳ, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	4.411.774.310	3.771.263.770
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.865.299.168	7.191.554.957
	<b><u>11.277.073.478</u></b>	<b><u>10.962.818.727</u></b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Công ty phải trả cho việc thuê kho và thuê văn phòng với thời hạn tối đa đến tháng 2 năm 2016.

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 <u>VND</u>	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 <u>VND</u>
<b>Mua dịch vụ đại lý tàu</b>		
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội	920.601.322	42.276.487
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	180.897.688	445.571.166
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	<u>1.262.313.137</u>	<u>104.894.555</u>
<b>Thuê xe và mua nhiên liệu</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	10.077.000	2.762.600.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	<u>15.972.728</u>	<u>29.533.000</u>
<b>Chia cổ tức trong kỳ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>22.352.990.000</u>	<u>9.809.614.000</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 <u>VND</u>	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 <u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi	<u>994.144.494</u>	<u>668.416.941</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ như sau:

	30/6/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội	273.552.557	146.765.535
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	21.450.836	24.621.620
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	<u>185.763.990</u>	<u>171.129.680</u>
<b>Cổ tức phải trả</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>22.352.990.000</u>	<u>-</u>

**Nguyễn Ngọc Anh**

**Giám đốc**

Ngày 30 tháng 8 năm 2011

**Nguyễn Thế Dân**

**Kế toán trưởng**